BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **5413** /QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc nâng bậc lương, tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5906/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được ban hành kèm theo Quyết định số 1814 /QĐ-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã được sửa đổi, bổ sung tại và Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nâng bậc lương, tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với các viên chức và người lao động của Học viện có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và viên chức, người lao động có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Bộ NN và MT (để b/c);
- Lưu VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Nguyễn Thị Lan

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG
ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG, PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG

(Kèm theo Quyết định số **5413** /QĐ-HVN ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
I	**Viên chức và người lao động được nâng bậc lương thường xuyên**																				
1	Phạm Thị Bích	Phương		1996	Đại học	V.05.02.07	1	2.34			01/11/2023	V.05.02.07	2	2.67			01/11/2026	1	0.330	834,900	
2	Nguyễn Công	Oánh	1982		Tiến sĩ	V.07.01.03	6	3.99			01/11/2023	V.07.01.03	7	4.32			01/11/2026	1	0.330	834,900	
3	Bùi Lê	Vinh	1980		Tiến sĩ	V.07.01.03	7	4.32			01/11/2023	V.07.01.03	8	4.65			01/11/2026	1	0.330	834,900	
4	Nguyễn Thị Thu	Hà		1977	Tiến sĩ	V.07.01.03	8	4.65			01/11/2023	V.07.01.03	9	4.98			01/11/2026	1	0.330	834,900	
5	Mai Thị Thanh	Thủy		1980	Thạc sĩ	V.07.01.03	7	4.32			01/11/2023	V.07.01.03	8	4.65			01/11/2026	1	0.330	834,900	
6	Nông Văn	Nam	1981		Thạc sĩ	V.05.02.08	6	3.65			01/11/2023	V.05.02.08	7	3.96			01/11/2026	1	0.310	784,300	
7	Lê Văn	Quân	1984		Đại học	01.003	2	2.67			01/11/2023	01.003	3	3.00			01/11/2026	1	0.330	834,900	
8	Đinh Hải	Chung	1979		Thạc sĩ	01.003	6	3.99			01/11/2023	01.003	7	4.32			01/11/2026	1	0.330	834,900	
9	Nguyễn Thị Thu	Hà		1976	Thạc sĩ	V.07.01.03	8	4.65			01/11/2023	V.07.01.03	9	4.98			01/11/2026	1	0.330	834,900	
10	Phạm Hồng	Trang		1981	Tiến sĩ	V.07.01.03	6	3.99			01/11/2023	V.07.01.03	7	4.32			01/11/2026	1	0.330	834,900	
11	Nguyễn Phục	Hưng	1979		Tiến sĩ	01.003	6	3.99			01/11/2023	01.003	7	4.32			01/11/2026	1	0.330	834,900	
12	Đỗ Kim	Yến		1976	Thạc sĩ	01.003	5	3.66			01/11/2023	01.003	6	3.99			01/11/2026	1	0.330	834,900	
13	Lê Việt	Dũng	1984		Tiến sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/11/2023	V.07.01.03	6	3.99			01/11/2026	1	0.330	834,900	
14	Vũ Thị Xuân	Bình		1980	Thạc sĩ	01.003	6	3.99			01/11/2023	01.003	7	4.32			01/11/2026	1	0.330	834,900	
15	Vũ Thị Hồng	Lan		1982	Đại học	V.10.02.06	7	4.32			01/11/2023	V.10.02.06	8	4.65			01/11/2026	1	0.330	834,900	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
16	Dương Thị	Hằng		1988	Trung cấp	01.007	7	2.73			01/11/2024	01.007	8	2.91			01/11/2026	1	0.180	455,400	
17	Nguyễn Thị Minh	Thành		1985	Đại học	V.06.031	4	3.33			01/11/2023	V.06.031	5	3.66			01/11/2026	1	0.330	834,900	
18	Trần Thị Thu	Trang		1988	Thạc sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/11/2023	V.07.01.03	6	3.99			01/11/2026	1	0.330	834,900	
II	**Viên chức và người lao động được tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung**																				
19	Hoàng Hải	Hà	1972		Tiến sĩ	V.07.01.03	9	4.98	7%		01/11/2025	V.07.01.03	9	4.98	8%		01/11/2026	1	0.050	125,994	
20	Đỗ Thị	Huệ		1975	Thạc sĩ	V.07.01.03	9	4.98	5%		01/11/2025	V.07.01.03	9	4.98	6%		01/11/2026	1	0.050	125,994	
21	Trần Thị Yên	Thái		1977	Trung cấp	V.08.05.13	12	4.06	5%		01/11/2025	V.08.05.13	12	4.06	6%		01/11/2026	1	0.041	102,718	
22	Hoàng Thị Tuyết	Nhung		1973	Thạc sĩ	V.06.031	9	4.98	6%		01/11/2025	V.06.031	9	4.98	7%		01/11/2026	1	0.050	125,994	

Trong danh sách này có: **22** người

- Nâng bậc lương thường xuyên: ***18*** người
- Tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung: ***4*** người

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM